TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 177/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18-11-2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thức.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Thanh H

2. Ông: La Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 18/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 398/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/11/2021, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1968;

2. *Bị đơn*: Ông , sinh năm 1957;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh L. (Bà T, ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Lê Thị Thanh T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo đơn xin ly hôn ngày 19/4/2021 và quá trình giải quyết vụ án bà T, trình bày:

Bà và ông Đỗ Quang H chung sống với nhau vào năm 1987, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 02, quận P, Tp.H. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung

nên bà và ông H đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn.

Về con chung: Bà T khai bà và ông H có 03 con chung là Đỗ Phương T, sinh năm 1988, Đỗ Phương L, sinh năm 1992 và Đỗ Phương U, sinh năm 2004. Khi ly hôn, bà T xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đỗ Phương U; không cầu ông H cấp dưỡng. Riêng con chung là Đỗ Phương T, sinh năm 1988 và Đỗ Phương L, sinh năm 1992 đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có.

Ông Đỗ Quang H có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 04/11/2021: Ông xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn, về con chung, tài sản chung về nợ cũng như nguyên nhân mâu thuẫn gia đình như bà T trình bày là đúng. Nay bà T xin ly hôn ông đồng ý. Khi ly hôn, ông đồng ý giao con chung là cháu Đỗ Phương U cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con vì bà T không yêu cầu.

Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ do các đương sự có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai công khai tại phiên toà, trên cơ sở ý kiến của đương sự tại các bản tự khai, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án*,

Bà Lê Thị Thanh T xin ly hôn với ông Đỗ Quang H, ông H hiện cư trú tại ấp Tràm Lạc, xã M, huyện Đ, tỉnh L. Theo quy định tại các điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo thủ tục chung là đúng với quy định các Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung*,

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*:

Bà Lê Thị Thanh T và ông Đỗ Quang H chung sống với nhau vào và có đăng ký kết hôn vào năm 1987 là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, bà T xin ly hôn vì cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Ông H có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng tại bản tự khai ông cũng đồng ý ly hôn.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông H không còn, thời gian ly thân nhau đã lâu nên bà T xin ly hôn là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. *Về con chung*:

Bà T và ông H thống nhất khai có 03 con chung là Đỗ Phương Thùy, sinh năm 1988, Đỗ Phương Linh, sinh năm 1992 và Đỗ Phương Uyên, sinh năm 2004.

Khi ly hôn, bà T xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Phương Uyên, ông H cũng đồng ý, không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Riêng con chung là Đỗ Phương Thùy, sinh năm 1988 và Đỗ Phương Linh, sinh năm 1992 đã trưởng thành nên các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự thống nhất khai không có nên không xem xét.

[3.] *Về án phí*: Bà Lê Thị Thanh T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 63, 146, 222, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 11 luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85 và 86 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

***Tuyên xử*:**

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Thanh T được ly hôn với ông Đỗ Quang H.

2. Về con chung:

Bà Lê Thị Thanh T được quyền tiếp tục nuôi con chung là cháu Đỗ Phương U, sinh năm 2004.

Ông Đỗ Quang H không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà Lê Thị Thanh T không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức hoặc cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên.

3. Về tài sản chung và nợ: các đương sự thống nhất khai không có.

4. Về án phí:

Bà Lê Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 7963 ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, sang án phí để thi hành.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Công Thức

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND phường 02, Q. P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.